**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU**

**LUẬT KIẾN TRÚC NĂM 2019**

*Luật Kiến trúc được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13/6/2019 (sau đây gọi chung là Luật Kiến trúc năm 2019); Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 04/2019/L-CTN ngày 27/6/2019; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020.*

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT KIẾN TRÚC NĂM 2019[[1]](#footnote-1)**

 **1. Cơ sở thực tiễn**

 Trong tiến trình phát triển của nhân loại và các quốc gia, kiến trúc được coi là một loại hình nghệ thuật – kỹ thuật có vai trò rất quan trọng, có tính đặc thù cao và gắn bó hữu cơ với sự phát triển của lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, kinh tế-xã hội và tổ chức không gian sống của con người và xã hội.

 Ở Việt Nam, quá trình xây dựng và phát triển nền kiến trúc Việt Nam luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo để phát triển nền kiến trúc nước nhà có bản sắc, hiện đại, hội nhập quốc tế và xây dựng đội ngũ kiến trúc sư có đủ năng lực và điều kiện hành nghề tốt.

 Ngay từ thời kỳ đầu thành lập chính quyền nhân dân và xây dựng đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định vai trò của kiến trúc trong đời sống xã hội, tại Thư gửi Hội nghị Kiến trúc sư năm 1948 có nêu *“Trong 4 điều quan trọng cho dân sinh: ở và đi lại là hai vấn đề cũng cần thiết như ăn và mặc, vì vậy, việc kiến trúc là một việc rất quan hệ...”*.

 Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nền kiến trúc Việt Nam và đội ngũ kiến trúc sư đã có những bước phát triển quan trọng, có đóng góp xứng đáng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật... Tuy nhiên, quá trình này đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập như: công tác quản lý kiến trúc chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; tổ chức không gian, cảnh quan, kiến trúc công trình ở đô thị và nông thôn còn thiếu thống nhất, thiếu bản sắc; các điều kiện hành nghề kiến trúc chưa đầy đủ; dịch vụ tư vấn kiến trúc chưa đa dạng, chưa có nhiều tác phẩm kiến trúc đặc sắc có giá trị lớn...

 Trong nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập nêu trên có nguyên nhân về thể chế, cụ thể là: đã có một số quy định pháp luật điều chỉnh về kiến trúc nhưng còn tản mạn ở một số văn bản quy phạm pháp luật, thiếu tính hệ thống, chưa thống nhất và đồng bộ.

 Ngoài ra còn có các nguyên nhân như: chất lượng đội ngũ kiến trúc sư, công tác đào tạo, công tác lý luận phê bình, phản biện chưa đáp ứng yêu cầu trong nước và hội nhập quốc tế.

 **2. Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách Nhà nước**

 Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa VIII đã khẳng định xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng VIII tại Đại hội lần thứ 9 của Đảng đã chỉ rõ phải “Tăng cường công tác quy hoạch và quản lý đô thị, nâng cao thẩm mỹ kiến trúc” và “Ứng dụng công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng và hiệu quả quy hoạch, năng lực thiết kế xây dựng và thẩm mỹ kiến trúc. Tăng cường quản lý nhà nước về quy hoạch, kiến trúc và xây dựng”, đồng thời “Chú trọng thể hiện bản sắc văn hóa Việt Nam trong các công trình xây dựng, kiến trúc mới”.

 Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước đã xác định những nội dung lớn để định hướng phát triển nhiều lĩnh vực trong đó có việc phát triển nền kiến trúc Việt Nam.

 Ngày 03/9/2002, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2020 (kèm theo Quyết định số 112/2002/QĐ-TTg) góp phần nâng cao chất lượng kiến trúc, tạo lập môi trường cư trú bền vững, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển văn hóa, kinh tế - xã hội trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây là văn bản quan trọng định hướng về việc thể chế hóa sự lãnh đạo của Đảng về phát triển nền kiến trúc Việt Nam và định hướng hoàn thiện các quy định quản lý về lĩnh vực kiến trúc.

 **3. Hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến kiến trúc**

 Các quy định pháp luật liên quan đến kiến trúc hiện nay có ở một số luật, nghị định, thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn có liên quan. Đối với các luật, bao gồm:

 - Luật Xây dựng năm 2014 có một số quy định liên quan đến kiến trúc như quy định thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng (Điều 45, 47, 81...); quy định về dự án đầu tư xây dựng, thiết kế, xây dựng trong đó quy định về kiến trúc trong dự án đầu tư xây dựng; năng lực hoạt động thiết kế xây dựng;

 - Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 có quy định quản lý về nguyên tắc về tổ chức không gian kiến trúc trong nhiệm vụ quy hoạch đô thị (Điều 23); nghiên cứu về mô hình phát triển không gian, kiến trúc trong đồ án quy hoạch chung đô thị, phân khu, chi tiết và thiết kế đô thị, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch (Điều 25, 26, 27, ...); quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị (Điều 58, 59, 60);

 - Luật Nhà ở năm 2014 quy định về nguyên tắc kiến trúc nhà ở (điều 20); yêu cầu phát triển nhà ở cá nhân,  khu vực nông thôn phải bảo tồn kiến trúc nhà ở truyền thống (Điều 42);

 - Luật Di sản Văn hóa năm 2014 quy định việc xếp hạng công trình kiến trúc, nghệ thuật, quần thể kiến trúc, tổng thể kiến trúc đô thị và địa điểm cư trú có giá trị tiêu biểu trong các giai đoạn phát triển kiến trúc, nghệ thuật Việt Nam thuộc di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh (Điều 29);

 - Luật Đấu thầu năm 2013 quy định việc chỉ định cho tác giả của thiết kế kiến trúc công trình trúng tuyển hoặc được tuyển chọn (Điều 22);

 - Luật Đầu tư năm 2014 quy định danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Phụ lục 4.

 Trong các văn bản luật nêu trên, các quy định chủ yếu tập trung về nội dung kỹ thuật, các quy định liên quan đến kiến trúc còn thiếu, chưa có tính hệ thống, chưa làm rõ tính đặc thù cao của kiến trúc, sáng tạo kiến trúc, quản lý kiến trúc, hành nghề của kiến trúc.

 Từ thực tiễn phát triển và yêu cầu hội nhập quốc tế của Việt Nam cho thấy việc ban hành Luật Kiến trúc là hết sức cần thiết, nhằm khắc phục các hạn chế, tồn tại, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, góp phần xây dựng và phát triển đội ngũ kiến trúc sư có đức, có tài; xây dựng nền kiến trúc Việt Nam hiện đại, giàu bản sắc dân tộc, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh và hội nhập quốc tế.

 **II. BỐ CỤC CỦA LUẬT KIẾN TRÚC NĂM 2019**

Luật Kiến trúc năm 2019 gồm 05 chương, 41 điều được bố cục như sau:

**Chương I. Những quy định chung**,gồm 09 điều, (*từ Điều 1 đến Điều 09*) quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; nguyên tắc hoạt động kiến trúc; Bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc; Chính sách của Nhà nước trong hoạt động kiến trúc; Ngày Kiến trúc Việt Nam; Hợp tác quốc tế về kiến trúc; Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động kiến trúc.

**Chương II. Quản lý kiến trúc,** gồm 09 điều (*từ Điều 10 đến Điều 18*) quy định về Yêu cầu về quản lý kiến trúc; Yêu cầu đối với kiến trúc đô thị, kiến trúc nông thôn; Thiết kế kiến trúc; Quản lý công trình kiến trúc có giá trị; Quy chế quản lý kiến trúc; Điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc; Hội đồng tư vấn về kiến trúc; Thi tuyển phương án kiến trúc; Quản lý lưu trữ tài liệu.

**Chương III. Hành nghề kiến trúc**, gồm 3 mục 16 điều (*từ Điều 19 đến Điều 35*).

Mục 1 quy định về Dịch vụ kiến trúc; Tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hành nghề kiến trúc; Điều kiện hành nghề kiến trúc; Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề; Phát triển nghề nghiệp liên tục; Quản lý thông tin hành nghề kiến trúc..

Mục 2 quy định về  Kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân; Sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc; Thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc; thời hạn của chứng chỉ hành nghề kiến trúc; Điều kiện cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc; Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc; Thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc; Hành nghề kiến trúc của người nước ngoài tại Việt Nam; Quyền và nghĩa vụ của kiến trúc sư có chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

Mục 3 quy định về Điều kiện hoạt động và hình thức tổ chức hành nghề kiến trúc; Quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề kiến trúc; Giám sát tác giả.

**Chương IV. Quản lý nhà nước về kiến trúc**, gồm 03 điều (*từ Điều 36 đến Điều 38*) quy định về Nội dung quản lý nhà nước về kiến trúc; Trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ; Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp.

**Chương V. Điều khoản thi hành**, gồm 03 điều (*từ Điều 39 đến Điều 41*), quy định về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến hoạt động kiến trúc; Hiệu lực thi hành; Quy định chuyển tiếp.

**III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT LUẬT KIẾN TRÚC NĂM 2019**

**1. Những quy định chung (Chương 1)**

***1.1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)***

Luật Kiến trúc năm 2019 quy định về quản lý kiến trúc, hành nghề kiến trúc; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động kiến trúc.

***1.2. Về đối tượng áp dụng (Điều 2)***

Luật Kiến trúc năm 2019 áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động kiến trúc và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kiến trúc trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

***1.3.*** ***Nguyên tắc hoạt động kiến trúc (Điều 4)***

Luật Kiến trúc năm 2019 quy định 04 nhóm nguyên tắc hoạt động kiến trúc, gồm:

(1) Tuân thủ Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

(2) Phù hợp với định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn; đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.

(3) Bảo tồn, kế thừa, phát huy các giá trị kiến trúc truyền thống, tiếp thu chọn lọc tinh hoa kiến trúc thế giới. Xây dựng nền kiến trúc Việt Nam tiên tiến, hiện đại, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.

(4) Ứng dụng khoa học, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới phù hợp với thực tiễn Việt Nam bảo đảm hiệu quả về kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

(5) Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; kết hợp hài hòa lợi ích của quốc gia, cộng đồng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

***1.4. Chính sách của Nhà nước trong hoạt động kiến trúc (Điều 6)***

Luật Kiến trúc năm 2019 quy định cụ thể về chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư của Nhà nước, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư cho hoạt động kiến trúc, cụ thể:

*a) Chính sách đầu tư:*

Nhà nước đầu tư cho các hoạt động sau đây: (1) Xây dựng định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam; (2) Thống kê, điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động kiến trúc; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về kiến trúc; (3) Xây dựng mẫu thiết kế kiến trúc đáp ứng tiêu chí bền vững, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; (4) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về kiến trúc.

*b) Chính sách hỗ trợ đầu tư:*

Trong từng thời kỳ và khả năng của ngân sách nhà nước, Nhà nước hỗ trợ đầu tư cho các hoạt động sau đây: (1) Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho tổ chức khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu chính sách, nghiên cứu cơ bản về kiến trúc; (2) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về kiến trúc; nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới về kiến trúc; (3) Bảo vệ, giữ gìn, tu bổ công trình kiến trúc có giá trị chưa được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa; (4) Mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế về kiến trúc; (5) Triển lãm, quảng bá về kiến trúc.

*c) Chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư cho hoạt động quy hoạch:*

Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư cho hoạt động sau đây: (1) Xây dựng định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam; (2) Thống kê, điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động kiến trúc; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về kiến trúc; (3) Xây dựng mẫu thiết kế kiến trúc đáp ứng tiêu chí bền vững, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; (4) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về kiến trúc; (5) Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho tổ chức khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu chính sách, nghiên cứu cơ bản về kiến trúc; (6) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về kiến trúc; nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới về kiến trúc; (7) Bảo vệ, giữ gìn, tu bổ công trình kiến trúc có giá trị chưa được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa; (8) Mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế về kiến trúc; (9) Triển lãm, quảng bá về kiến trúc; (10) Hợp tác, liên kết trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ kỹ thuật và các hoạt động liên quan trong lĩnh vực kiến trúc; (11) Xã hội hóa các dịch vụ công trong lĩnh vực kiến trúc; (12) Trợ giúp, tư vấn miễn phí về kiến trúc vì lợi ích của xã hội và cộng đồng.

 ***1.5. Ngày Kiến trúc Việt Nam (Điều 7)***

Luật Kiến trúc năm 2019 quy định ngày 27 tháng 4 hằng năm là ngày Kiến trúc Việt Nam.

 ***1.6*. *Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động kiến trúc (Điều 9)***

Luật Kiến trúc năm 2019 quy định 9 nhóm hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động kiến trúc, gồm:

(1) Cản trở hoạt động quản lý kiến trúc và hành nghề kiến trúc.

(2) Lợi dụng hành nghề kiến trúc gây ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc, trật tự xã hội, môi trường sống, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(3) Đưa hối lộ, nhận hối lộ, thực hiện hành vi móc nối, trung gian trái pháp luật trong hoạt động kiến trúc.

(4) Tiết lộ tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước; tiết lộ thông tin kinh doanh do khách hàng cung cấp, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác.

(5) Xây dựng công trình kiến trúc không đúng với thiết kế kiến trúc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép xây dựng.

(6) Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động kiến trúc.

(7) Cung cấp tài liệu, số liệu giả hoặc sai sự thật; lập hồ sơ thiết kế kiến trúc và xây dựng không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

(8) Gian lận trong việc sát hạch, cấp, sử dụng chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

(9) Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn hoặc thiếu trách nhiệm trong quản lý kiến trúc.

**2. Quản lý kiến trúc (Chương II)**

***2.1. Yêu cầu về quản lý kiến trúc (Điều 10)***

Luật Kiến trúc năm 2019 quy định, trong quản lý kiến trúc cần đảm bảo 5 yêu cầu sau:

(1) Tuân thủ nguyên tắc hoạt động kiến trúc.

(2) Bảo đảm tính thống nhất trong việc quản lý từ không gian tổng thể đến không gian cụ thể của công trình kiến trúc.

(3) Bảo đảm an toàn cho con người, công trình kiến trúc và khu vực tập trung dân cư trước tác động bất lợi do thiên nhiên hoặc con người gây ra.

(4) Không tác động tiêu cực đến cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, công trình kiến trúc có giá trị và môi trường sinh thái.

(5) Bảo đảm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

***2.2. Yêu cầu đối với kiến trúc đô thị, kiến trúc nông thôn (Điều 11)***

*a) Đối với kiến trúc đô thị phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:*

(1) Hài hòa với không gian, kiến trúc, cảnh quan chung của khu vực xây dựng công trình kiến trúc; gắn kết kiến trúc khu hiện hữu, khu phát triển mới, khu bảo tồn, khu vực giáp ranh đô thị và nông thôn, phù hợp với cảnh quan thiên nhiên;

(2) Sử dụng màu sắc, vật liệu, trang trí mặt ngoài của công trình kiến trúc phải bảo đảm mỹ quan, không tác động xấu tới thị giác, sức khỏe con người, môi trường và an toàn giao thông;

(3) Kiến trúc nhà ở phải kết hợp hài hòa giữa cải tạo với xây dựng mới, phù hợp với điều kiện tự nhiên và khí hậu, gắn công trình nhà ở riêng lẻ với tổng thể kiến trúc của khu vực;

(4) Công trình công cộng, công trình phục vụ tiện ích đô thị trên tuyến phố phải bảo đảm yêu cầu thẩm mỹ, công năng sử dụng, bảo đảm an toàn cho người và phương tiện giao thông;

(5) Hệ thống biển báo, quảng cáo, chiếu sáng, trang trí đô thị phải tuân thủ quy chuẩn, quy hoạch quảng cáo ngoài trời, phù hợp với kiến trúc chung của khu đô thị;

(6) Công trình tượng đài, điêu khắc, phù điêu, đài phun nước và các công trình trang trí khác phải được thiết kế phù hợp với cảnh quan, đáp ứng yêu cầu sử dụng và thẩm mỹ nơi công cộng;

(7) Công trình giao thông phải được thiết kế đồng bộ, bảo đảm yêu cầu sử dụng, thẩm mỹ và tính chất của đô thị.

*b) Đối với kiến trúc nông thôn phải đáp ứng yêu cầu sau:*

 (1) Hài hòa với không gian, kiến trúc, cảnh quan chung của khu vực xây dựng công trình kiến trúc; gắn kết kiến trúc khu hiện hữu, khu phát triển mới, khu bảo tồn, khu vực giáp ranh đô thị và nông thôn, phù hợp với cảnh quan thiên nhiên;

(2) Sử dụng màu sắc, vật liệu, trang trí mặt ngoài của công trình kiến trúc phải bảo đảm mỹ quan, không tác động xấu tới thị giác, sức khỏe con người, môi trường và an toàn giao thông;

(3) Kiến trúc nhà ở phải kết hợp hài hòa giữa cải tạo với xây dựng mới, phù hợp với điều kiện tự nhiên và khí hậu, gắn công trình nhà ở riêng lẻ với tổng thể kiến trúc của khu vực;

(4) Công trình tượng đài, điêu khắc, phù điêu, đài phun nước và các công trình trang trí khác phải được thiết kế phù hợp với cảnh quan, đáp ứng yêu cầu sử dụng và thẩm mỹ nơi công cộng;

(5) Bảo đảm kế thừa giá trị kiến trúc truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc; ưu tiên sử dụng vật liệu xây dựng địa phương và giải pháp kỹ thuật xây dựng tiên tiến;

(6) Bảo đảm tiêu chuẩn về nhà ở, không gian sống, không gian văn hóa phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán sinh hoạt, thuần phong mỹ tục của cộng đồng các dân tộc;

(7) Đối với khu vực thường xảy ra thiên tai, khuyến khích áp dụng mẫu thiết kế kiến trúc cho công trình công cộng và nhà ở nông thôn bảo đảm yêu cầu về thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.

***2.3. Quản lý công trình kiến trúc có giá trị (Điều 13)***

Luật Kiến trúc năm 2019 quy định cụ thể về quản lý công trình kiến trúc có giá trị, đây là đối tượng quản lý kiến trúc cần được quy định đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Hiện nay đang tồn tại nhiều công trình kiến trúc có giá trị, có ý nghĩa về lịch sử, văn hóa, kiến trúc… nhưng chưa được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của Luật Di sản văn hóa. Vì thế không ít công trình này đã và đang xuống cấp và bị xâm hại; việc tu bổ, phục hồi chưa phù hợp… Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do cơ sở pháp lý chưa thực sự đầy đủ. Vì vậy, để bảo tồn, phát huy giá trị kiến trúc của loại công trình này, Luật đã quy định về yêu cầu quản lý đối với công trình kiến trúc có giá trị, không chồng chéo với quy định của pháp luật về di sản văn hóa và quy định khác của pháp luật có liên quan, cụ thể:

Đối với công trình kiến trúc có giá trị đã được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa được quản lý theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. Đối với công trình kiến trúc có giá trị nhưng chưa được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát, đánh giá hằng năm, lập danh mục công trình kiến trúc có giá trị để tổ chức quản lý. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lấy ý kiến hội đồng tư vấn về kiến trúc cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình lập danh mục công trình kiến trúc có giá trị trước khi phê duyệt.

Chủ sở hữu, người sử dụng công trình kiến trúc thuộc danh mục công trình kiến trúc có giá trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: (1) Được thụ hưởng lợi ích từ việc bảo vệ, giữ gìn, tu bổ và khai thác công trình; (2) Được Nhà nước xem xét hỗ trợ kinh phí bảo vệ, giữ gìn, tu bổ công trình; (3) Bảo vệ, giữ gìn, tu bổ các giá trị kiến trúc của công trình; bảo đảm an toàn của công trình trong quá trình khai thác, sử dụng; (4) Không tự ý thay đổi hình thức kiến trúc bên ngoài, kết cấu và khuôn viên của công trình; (5) Khi phát hiện công trình có biểu hiện xuống cấp về chất lượng, có kết cấu kém an toàn cần thông báo kịp thời cho chính quyền địa phương.

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí đánh giá, phân loại công trình kiến trúc có giá trị; trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị.

***2.4. Hội đồng tư vấn về kiến trúc (Điều 16)***

Luật Kiến trúc năm 2019 quy định Hội đồng tư vấn về kiến trúc quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập khi cần thiết để tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ về kiến trúc và kiến trúc của một số công trình quan trọng. Hội đồng tư vấn về kiến trúc cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập khi cần thiết để tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về lĩnh vực kiến trúc và kiến trúc của một số công trình quan trọng, công trình kiến trúc có giá trị trên địa bàn quản lý.

***2.5. Thi tuyển phương án kiến trúc (Điều 17)***

Thi tuyển phương án kiến trúc là việc tổ chức cuộc thi để chọn phương án kiến trúc tối ưu, đáp ứng yêu cầu về quy hoạch, kiến trúc, văn hóa, hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.

Công trình phải thi tuyển phương án kiến trúc bao gồm: (1) Công trình công cộng có quy mô cấp đặc biệt, cấp I; (2) Nhà ga đường sắt trung tâm cấp tỉnh, nhà ga hàng không dân dụng; cầu trong đô thị từ cấp II trở lên, ga đường sắt nội đô từ cấp II trở lên; công trình tượng đài, công trình là biểu tượng về truyền thống, văn hóa và lịch sử của địa phương; công trình quan trọng, điểm nhấn trong đô thị và trên các tuyến đường chính được xác định trong đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý kiến trúc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc được đề xuất trong chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định hình thức thi tuyển phương án kiến trúc, quyết định thành lập Hội đồng thi tuyển phương án kiến trúc. Chi phí thi tuyển phương án kiến trúc được tính trong tổng mức đầu tư của dự án.

Trên cơ sở phương án kiến trúc trúng tuyển, tổ chức, cá nhân có phương án kiến trúc trúng tuyển được thực hiện các bước tiếp theo của dự án khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật về đấu thầu.

Thông tin về thi tuyển, hội đồng thi tuyển phương án kiến trúc và kết quả của cuộc thi phải được chủ đầu tư công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết về thi tuyển phương án kiến trúc.

**3. Hành nghề kiến trúc (Chương III)**

***3.1. Dịch vụ kiến trúc (Điều 19)***

Dịch vụ kiến trúc là loại hình kinh doanh dịch vụ tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng. Dịch vụ kiến trúc bao gồm: (1) Thiết kế kiến trúc công trình; (2) Thiết kế kiến trúc trong đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, thiết kế đô thị; (3) Thiết kế kiến trúc cảnh quan; (4) Thiết kế nội thất; (5) Chỉ dẫn đặc điểm kỹ thuật kiến trúc công trình; (6) Đánh giá kiến trúc công trình; (7) Thẩm tra thiết kế kiến trúc.

 ***3.2. Điều kiện hành nghề kiến trúc (Điều 21)***

Cá nhân đảm nhận chức danh chủ trì thiết kế kiến trúc, cá nhân chịu trách nhiệm chuyên môn về kiến trúc trong tổ chức hành nghề kiến trúc, kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề kiến trúc, trừ trường hợp hành nghề kiến trúc của người nước ngoài tại Việt Nam. Cá nhân không có chứng chỉ hành nghề kiến trúc được tham gia thực hiện dịch vụ kiến trúc trong tổ chức hành nghề kiến trúc hoặc hợp tác với kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân.

Tổ chức hành nghề kiến trúc phải đáp ứng các điều kiện sau: (1) Được thành lập theo quy định của pháp luật; (2) Có cá nhân chịu trách nhiệm chuyên môn về kiến trúc hoặc chủ trì thiết kế kiến trúc có chứng chỉ hành nghề kiến trúc; (3) Thông báo thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này cho cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức hành nghề kiến trúc có trụ sở hoạt động.

***3.3. Kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân (Điều 25)***

Kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân là kiến trúc sư có chứng chỉ hành nghề kiến trúc không thuộc tổ chức hành nghề kiến trúc, nhân danh cá nhân mình thực hiện các dịch vụ kiến trúc.

Kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân thực hiện dịch vụ kiến trúc theo hợp đồng đã giao kết với tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật Kiến trúc và quy định khác của pháp luật có liên quan.

***3.4. Sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (Điều 26)***

Tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hành nghề kiến trúc, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo về kiến trúc tổ chức thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

Nội dung sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc bao gồm: (1) Kinh nghiệm nghề nghiệp về kiến trúc; (2) Kiến thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực hành nghề; (3) Kiến thức chuyên ngành về kiến trúc; (4) Kiến thức về Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề.

Tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hành nghề kiến trúc, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo về kiến trúc được công nhận đủ điều kiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc khi đáp ứng các yêu cầu sau đây: (1) Được thành lập theo quy định của pháp luật; (2) Có lĩnh vực hoạt động liên quan đến hoạt động kiến trúc; (3) Có đầy đủ nhân lực, cơ sở vật chất phục vụ tổ chức sát hạch.

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết chương trình, nội dung, hình thức tổ chức sát hạch; thời hạn có hiệu lực của kết quả sát hạch; điều kiện thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc đối với tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hành nghề kiến trúc, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo về kiến trúc.

***3.5. Thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc; thời hạn của chứng chỉ hành nghề kiến trúc (Điều 27)***

Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc. Chứng chỉ hành nghề kiến trúc có thời hạn 10 năm và có giá trị sử dụng trong phạm vi cả nước.

***3.6. Điều kiện cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc (Điều 28)***

Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) Có trình độ từ đại học trở lên về lĩnh vực kiến trúc; (2) Có kinh nghiệm tham gia thực hiện dịch vụ kiến trúc tối thiểu là 03 năm tại tổ chức hành nghề kiến trúc hoặc hợp tác với kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân; (3) Đạt yêu cầu sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc. Cá nhân có thời gian liên tục từ 10 năm trở lên trực tiếp tham gia quản lý nhà nước về kiến trúc, đào tạo trình độ đại học trở lên về lĩnh vực kiến trúc, hành nghề kiến trúc được miễn điều kiện “đạt yêu cầu sát hạch”. Cá nhân đạt giải thưởng kiến trúc quốc gia hoặc giải thưởng quốc tế về kiến trúc được miễn điều kiện về kinh nghiệm tham gia thực hiện dịch vụ kiến trúc.

Chứng chỉ hành nghề kiến trúc được gia hạn khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) Chứng chỉ hành nghề kiến trúc hết thời hạn sử dụng; (2) Bảo đảm phát triển nghề nghiệp liên tục; (3) Không vi phạm Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề.

**4. Quản lý nhà nước về kiến trúc (Chương IV)**

***4.1. Nội dung quản lý nhà nước về kiến trúc (Điều 36)***

Nội dung quản lý nhà nước về kiến trúc bao gồm:

(1) Ban hành, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động kiến trúc.

(2) Xây dựng, tổ chức thực hiện định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam, chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch trong hoạt động kiến trúc.

(3) Tổ chức, thống nhất quản lý kiến trúc đô thị và kiến trúc nông thôn; quản lý hành nghề kiến trúc.

(4) Cấp, gia hạn, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

(5) Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về kiến trúc.

(6) Tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ về kiến trúc; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực hoạt động kiến trúc.

(7) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hoạt động kiến trúc.

(8) Hợp tác quốc tế về kiến trúc.

(9) Xây dựng, quản lý lưu trữ hồ sơ, cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin phục vụ hoạt động kiến trúc.

(10) Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về kiến trúc; giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động kiến trúc.

***4.2. Trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ (Điều 37)***

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về kiến trúc trên phạm vi cả nước.

Bộ Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động kiến trúc trong phạm vi cả nước và có trách nhiệm sau đây: (1) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam; (2) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về kiến trúc; (3) Tổ chức, quản lý hoạt động kiến trúc trong quản lý dự án, thẩm định dự án, thiết kế xây dựng; (4) Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về kiến trúc; (5) Giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm trong hoạt động kiến trúc; (6) Tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ về kiến trúc; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về kiến trúc; (7) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động kiến trúc; (8) Phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra, đánh giá chất lượng kiến trúc trong các dự án đầu tư xây dựng; (9) Ban hành mẫu thiết kế kiến trúc cho các công trình công cộng và nhà ở nông thôn bảo đảm yêu cầu về thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; (10) Xây dựng cơ sở dữ liệu về kiến trúc và hành nghề kiến trúc trong cả nước; quản lý, cung cấp thông tin phục vụ hoạt động kiến trúc; (11) Hợp tác quốc tế về kiến trúc.

Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Xây dựng thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động kiến trúc.

***4.3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp (Điều 38)***

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây: (1) Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động kiến trúc theo quy định của Luật này và phân cấp của Chính phủ; ban hành văn bản theo thẩm quyền; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động kiến trúc; (2) Thực hiện và phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra và giám sát chất lượng kiến trúc trong dự án đầu tư xây dựng; (3) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về kiến trúc cho cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị trực thuộc theo phân cấp; (4) Xây dựng cơ sở dữ liệu về kiến trúc và hành nghề kiến trúc trên địa bàn; quản lý và cung cấp thông tin phục vụ hoạt động kiến trúc; (5) Hằng năm, báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về hoạt động kiến trúc.

Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây: (1) Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động kiến trúc trên địa bàn theo quy định của pháp luật; (2) Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về kiến trúc cho cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị trực thuộc theo phân cấp.

**5. Điều khoản thi hành (Chương 5)**

***5.1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến hoạt động kiến trúc (Điều 39)***

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14 và Luật số 35/2018/QH14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 91 như sau:

“1. Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng, thiết kế đô thị thì phải phù hợp với quy chế quản lý kiến trúc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 93 như sau:

“a) Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt và quy chế quản lý kiến trúc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;”;

c) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 148 như sau:

“4a. Tổ chức, cá nhân hành nghề kiến trúc thực hiện theo quy định của pháp luật về kiến trúc.”;

d) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 149 như sau:

“4. Chứng chỉ hành nghề kiến trúc thực hiện theo quy định của pháp luật về kiến trúc.”;

đ) Bãi bỏ Điều 81.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 77/2015/QH13 và Luật số 35/2018/QH14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 69 như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa công trình kiến trúc, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội và nhà ở phải phù hợp với quy hoạch chi tiết đô thị đã được phê duyệt, quy chế quản lý kiến trúc và theo quy định của pháp luật về xây dựng.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 72 như sau:

“6. Chủ đầu tư dự án được xác định trong quyết định đầu tư có trách nhiệm quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật, không gian, kiến trúc theo quy hoạch đô thị đã được phê duyệt, quy chế quản lý kiến trúc trong phạm vi ranh giới thực hiện dự án, trừ trường hợp việc quản lý được bàn giao cho Ủy ban nhân dân.”;

c) Bãi bỏ Điều 60.

3. Thay thế cụm từ tại một số luật sau đây:

a) Thay thế cụm từ “quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị” bằng cụm từ “quy chế quản lý kiến trúc” tại khoản 2 Điều 93 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14 và Luật số 35/2018/QH14;

b) Thay thế cụm từ “quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị” bằng cụm từ “quy chế quản lý kiến trúc” tại khoản 2 Điều 20 của Luật Nhà ở số 65/2014/QH13;

c) Thay thế cụm từ “quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị” bằng cụm từ “quy chế quản lý kiến trúc” tại Điều 5, điểm e khoản 3 Điều 12, khoản 3 Điều 13, khoản 1 Điều 52 của Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 77/2015/QH13 và Luật số 35/2018/QH14.

4. Bỏ cụm từ “hoặc được tuyển chọn” tại điểm d khoản 1 Điều 22 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14 và Luật số 04/2017/QH14.

***5.2. Quy định chuyển tiếp (Điều 41)***

1. Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị đã được phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Cuộc thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng đã phê duyệt kế hoạch tuyển chọn trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

3. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng được cấp cho cá nhân thực hiện thiết kế kiến trúc công trình, thẩm tra thiết kế kiến trúc công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng có giá trị đến khi hết thời hạn sử dụng, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng được cấp cho cá nhân thực hiện thiết kế kiến trúc công trình, thẩm tra thiết kế kiến trúc công trình hết thời hạn sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020 thì được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020; trường hợp bị mất hoặc hư hỏng thì được cấp lại theo quy định của pháp luật về xây dựng./.

1. Tờ trình của Chính phủ về dự thảo Luật Kiến trúc. [↑](#footnote-ref-1)